

# CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ VII VỀ TIẾP TỤC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CƠ CẤU KINH TẾ TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

NGUYỄN NGỌC THANH\*

Nền kinh tế của một nước chỉ có thể ổn định, phát triển khi có một cơ cấu kinh tế tương đối hài hòa, hợp lý, đây là "bài toán khó" không chỉ đối với nước ta. Trong gần 20 năm khởi xướng, lãnh đạo công cuộc Đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) đã từng bước xác lập, xây dựng, hoàn thiện và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế (CCKT) theo hướng CNH, HĐH, góp phần quyết định đối với sự phát triển bền vững của nền kinh tế và tạo ra sự ổn định về chính trị - xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng của đất nước trong những năm qua.

Đường lối đổi mới của Đại hội VI (12 - 1986) đã mở đầu cho thời kỳ phát triển mới trong sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta. Trong quá trình đổi mới, trước hết và chủ yếu là đổi mới kinh tế (gắn với từng bước đổi mới chính trị), Đảng ta đặc biệt coi trọng tới việc xây dựng một CCKT phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của nền kinh tế trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ đi lên CNXH ở Việt Nam.

Trên cơ sở nhận thức đó, Đảng ta đã đề ra chủ trương xây dựng CCKT nhằm thực hiện có hiệu quả Ba chương trình kinh tế lớn mà Đại hội VI vạch ra, đó là sản xuất lương thực, thực phẩm; hàng tiêu dùng; hàng xuất khẩu:

**Về cơ cấu ngành kinh tế**, chủ trương bố trí lại cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư tập

trung cho phát triển sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp nhẹ, điều chỉnh tốc độ phát triển công nghiệp nặng, chỉ phát triển trên cơ sở phục vụ cho mục tiêu kinh tế, quốc phòng, nhưng không được vượt quá điều kiện và khả năng của nền kinh tế (1).

Với CCKT ngành, quan điểm của Đại hội VI đã có sự đổi mới cho phù hợp hơn với thực tiễn khách quan so với Đại hội IV, V, đã thật sự coi sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu và coi đây như là một hướng đi để dần thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

**Về cơ cấu thành phần kinh tế**, Đại hội VI chủ trương coi nền kinh tế nhiều thành phần là sự tồn tại tất yếu trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH ở nước ta, cho phép chúng ta khai thác mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh và tập thể vào xây dựng, phát triển kinh tế đất nước, trước mắt là huy động được vốn đầu tư, giải quyết việc làm. Ngoài ra, quan điểm về cải tạo XHCN đối với các thành phần kinh tế này được coi là nhiệm vụ *tiến hành trong suốt thời kỳ quá độ*, với phương châm *sử dụng để cải tạo, cải tạo để sử dụng tốt hơn* chứ không phải đi đến xóa bỏ. Việc thừa nhận sự tồn tại của kinh tế nhiều thành phần và phương châm cải tạo để sử dụng đã mở đường cho sức sản xuất phát triển, góp

\* Th.S. Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.

phần quan trọng vào thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế - xã hội mà Đại hội VI đề ra (2).

Như vậy, trong đường lối đổi mới kinh tế được Đảng ta đề xướng tại Đại hội VI, chủ trương xác lập lại CCKT (ngành kinh tế, thành phần kinh tế) đóng vai trò quyết định trong việc đưa đất nước thoát dần ra khỏi khủng hoảng và tạo những tiền đề căn bản cho Đại hội VII (1991) bước đầu hoàn thiện CCKT của nước ta trong thời kỳ đổi mới.

Tiếp đó, Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (5-4-1988) về hoàn chỉnh cơ chế khoán trong nông nghiệp và giao ruộng đất lâu dài cho các hộ nông dân sản xuất kinh doanh đã mở đường cho sức sản xuất trong nông nghiệp nông thôn phát triển mạnh mẽ - khi hộ nông dân trở thành đơn vị kinh tế tự chủ. Đặc biệt, Nghị quyết Trung ương 6 (NQTƯ) (khoá VI) tháng 3-1989 đã bổ sung, phát triển quan điểm của Đại hội VI và khẳng định tính nhất quán, lâu dài của chính sách kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN của Đảng ta. Quan điểm của Hội nghị Trung ương 6 là bước phát triển quan trọng trong nhận thức về sử dụng, cải tạo XHCN đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh và tập thể, mở đường cho sức sản xuất phát triển trên tất cả các ngành kinh tế, nhất là ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ: "Chính sách này được nhân dân hưởng ứng rộng rãi và đã đi nhanh vào cuộc sống. Chính sách ấy đã góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân về kinh tế; khơi dậy được nhiều tiềm năng và sức sáng tạo của nhân dân để phát triển sản xuất, dịch vụ, tạo thêm việc làm và sản phẩm cho xã hội; thúc đẩy sự hình thành và phát triển nền kinh tế hàng hóa, tạo ra sự cạnh tranh sống động trên thị trường" (3).

Như vậy, Đại hội VI và các nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị khoá VI đã coi quá trình xây dựng CCKT là quá trình từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, phù hợp với sự vận động qui luật kinh tế khách quan, thực trạng kinh tế - xã hội nước ta. Đó là từng bước giải phóng sức sản xuất, trước tiên là ở khu vực nông nghiệp nông thôn và sau đó là các ngành kinh tế, khu vực khác, mà cụ thể là Nghị quyết 10, NQTƯ 6, tạo ra những tiền đề cần thiết cho Đại hội VII hoàn thiện CCKT, thúc đẩy CCKT chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa.

Qua hơn 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, các NQTƯ và Bộ Chính trị (khoá VI), chúng ta "đã đạt được những tiến bộ rõ rệt trong việc thực hiện các mục tiêu của ba chương trình kinh tế" (4) và những "thành tựu đạt được trong hơn 4 năm qua đã làm giảm một phần mức độ gay gắt của cuộc khủng hoảng" (5) điều này "chứng tỏ đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra là đúng đắn" (6). Những kết quả đạt được về kinh tế - xã hội thời gian qua, nguyên nhân trực tiếp là Đảng ta đã bước đầu xây dựng, xác lập CCKT phù hợp với sự vận động của qui luật khách quan, với đặc điểm và trình độ phát triển của nền kinh tế trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ đi lên CNXH ở nước ta.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được trong những năm đầu đổi mới, CCKT đã bắt đầu bộc lộ những bất cập, hạn chế làm ảnh hưởng đến sự phát triển của nền kinh tế:

**Trong CCKT ngành**, chúng ta chưa có chủ trương cho ngành thương mại dịch vụ tham gia nền kinh tế. Ngành nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhẹ mới chỉ đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho đời sống kinh tế - xã hội, trình độ trang bị kỹ



thuật còn lạc hậu, chất lượng sản phẩm kém, không có sức cạnh tranh.

Về CCKT vùng, chúng ta chưa xác định được các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm trên cả nước. Về lâu dài sẽ là lực cản lớn đối với sự phát triển của nền kinh tế.

Về cơ cấu thành phần kinh tế, từ Đại hội VI cho đến trước Đại hội VII, mặc dù đã có chủ trương và xác định các thành phần kinh tế tham gia nền kinh tế, nhưng trên thực tế các địa phương, các cấp, các ngành mới chỉ tập trung vào củng cố kinh tế quốc doanh và tập thể, mà chưa quan tâm, khuyến khích, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế khác phát triển (ngoại trừ khu vực nông nghiệp nông thôn).

Những hạn chế, bất cập của CCKT có thể nhìn nhận ở một số khía cạnh khách quan, chủ quan sau:

*Thứ nhất*, với CCKT ngành, trong giai đoạn này, việc bố trí lại cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư phục vụ cho ba chương trình kinh tế là phù hợp với quy luật và thực tiễn, đem lại những kết quả quan trọng bước đầu. Chính vì vậy, những bất cập nảy sinh trong quá trình vận động của CCKT ngành những năm cuối của thập kỷ 80 là sự "đòi hỏi" chính đáng của qui luật phát triển kinh tế, của lực lượng sản xuất đã phát triển ở trình độ cao hơn.

*Thứ hai*, việc xác định CCKT vùng lãnh thổ "phải trên cơ sở điều tra, khảo sát, đánh giá đầy đủ về tự nhiên, tiềm năng kinh tế - xã hội, sự phát triển của các ngành kinh tế, mối quan hệ giữa các vùng trong cả nước..." (7). Như vậy, việc Đại hội VI chưa xác định các vùng kinh tế trên cả nước là sự tuân thủ qui luật phát triển kinh tế và căn cứ vào tính chất, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Do vậy, yêu cầu phải xác định các vùng kinh tế sau

hơn 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI là phù hợp với sự vận động của thực tiễn khách quan, đòi hỏi chúng ta phải từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

*Thứ ba*, cơ cấu thành phần kinh tế. Thực tế sau hơn 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, các Nghị quyết khoá VI, chúng ta mới chỉ thực sự "cởi trói" cho sức sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn phát triển, còn trong ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nhất là thương mại dịch vụ thì hầu như "dậm chân tại chỗ" khi triển khai xuống cơ sở. Như vậy, đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh và tập thể, trong nhận thức chúng ta vẫn chưa thực sự quán triệt sâu sắc, đầy đủ quan điểm của Đảng về *cải tạo để sử dụng* các thành phần kinh tế này trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH ở nước ta.

Trên cơ sở những thành tựu, hạn chế và kinh nghiệm đúc rút sau hơn 4 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra, trong đó có việc xác định, xây dựng lại CCKT đã tạo cơ sở, niềm tin để Đảng ta xác định rõ hơn những mục tiêu, phương châm và biện pháp chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới. Đại hội VII của Đảng (6-1991) nhấn mạnh, trước mắt cần: "*Tập trung mọi nỗ lực giải quyết các vấn đề cấp bách nhất về kinh tế, xã hội, trên cơ sở đó thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh tế của kế hoạch 5 năm 1991-1995: đẩy lùi và kiểm soát được lạm phát, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân và bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế*" (8).

Như vậy, căn cứ vào những chuyển biến của nền kinh tế nói chung, CCKT nói riêng, những mục tiêu kinh tế - xã hội của Đại hội VII đề ra đã có bước phát triển hơn so với Đại hội VI, đã đặt ra yêu cầu nâng cao hiệu



quả sản xuất và có tích lũy cho nền kinh tế. Điều này chứng tỏ đường lối đổi mới, xây dựng lại CCKT của Đại hội VI là hoàn toàn đúng đắn.

Để thực hiện những mục tiêu nêu trên, Đại hội VII của Đảng khẳng định: "Phải phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế; đẩy mạnh ba chương trình kinh tế với những nội dung cao hơn trước và từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế mới theo yêu cầu công nghiệp hóa" (9).

Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ được xác định, Đại hội VII đã đề ra những chủ trương, chính sách hoàn thiện CCKT nhằm bước đầu thúc đẩy CCKT chuyển dịch trong những năm 1991-1995: "khắc phục tính chất tự cấp tự túc, khép kín, chuyển mạnh sang nền kinh tế hàng hóa, gắn thị trường trong nước với ngoài nước, đẩy mạnh xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu nhập khẩu" (10). Rõ ràng Đại hội VII đã đặt ra cho quá trình xây dựng những yêu cầu cao hơn so với Đại hội VI. Nếu như Đại hội VI bước đầu xác lập lại CCKT phục vụ cho ba chương trình kinh tế nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách về kinh tế - xã hội của đất nước, thì Đại hội VII đề ra chủ trương tiếp tục xây dựng, hoàn thiện CCKT để thúc đẩy CCKT chuyển dịch nhằm phục vụ tốt hơn nữa Ba chương trình kinh tế và từng bước chuyển từ nền kinh tế tự cấp tự túc khép kín sang kinh tế hàng hóa, sản xuất gắn với thị trường.

Chủ trương của Đại hội VII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện CCKT được thể hiện ở những điểm sau:

**1. Về cơ cấu thành phần kinh tế:** quan điểm của Đảng ta rất dứt khoát: "Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, không phân biệt đối xử, không tước đoạt tài sản hợp pháp, không gò ép tập thể hóa tư liệu sản xuất..."

(11) và "Trong nền kinh tế thị trường, với quyền tự do kinh doanh được pháp luật đảm bảo, từ ba loại hình sở hữu cơ bản (toàn dân, tập thể, tư nhân)..." (12), "Mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật... Mọi đơn vị kinh tế, không phân biệt quan hệ sở hữu đều hoạt động theo cơ chế tự chủ kinh doanh, hợp tác và cạnh tranh với nhau bình đẳng trước pháp luật" (13).

Như vậy, đối với các thành phần kinh tế, Đại hội VII là sự khẳng định, kế thừa nền tảng lý luận của Đại hội VI và có bổ sung, phát triển một số điểm mới quan trọng:

*Một là*, chính thức thừa nhận sở hữu tư nhân cùng tồn tại với sở hữu Nhà nước và tập thể trong đời sống kinh tế - xã hội nước ta và được Nhà nước bảo hộ những thu nhập hợp pháp.

*Hai là*, vấn đề cải tạo XHCN đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh và tập thể sẽ được cụ thể hóa bằng các chế định pháp lý nhằm phục vụ có hiệu quả cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH.

Những điểm mới trên đã tạo sự bình đẳng thực sự trước pháp luật giữa các thành phần kinh tế và mọi hình thức sở hữu, là động lực thúc đẩy sức sản xuất trong xã hội phát triển mạnh mẽ.

Tuy nhiên, với kinh tế quốc doanh, Đại hội VII cũng nhấn mạnh phải được củng cố, phát triển, sắp xếp lại, đổi mới công nghệ và tổ chức quản lý để nắm vững những ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế nhằm phát huy vai trò chủ đạo và chức năng là công cụ điều tiết vĩ mô của Nhà nước, giữ vững định hướng XHCN trong thời kỳ quá độ.

Tóm lại, chủ trương của Đại hội VII về cơ cấu thành phần kinh tế đã tạo ra *điểm nhấn quyết định* trong tiến trình đổi mới, tháo bỏ mọi "rào cản" cho sức sản xuất phát



triển trên tất cả các ngành, lĩnh vực và vùng kinh tế, huy động được mọi nguồn lực trong xã hội vào xây dựng, phát triển kinh tế đất nước.

**2. Về cơ cấu ngành kinh tế:** Đại hội VII chỉ rõ: "Phát triển nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội; tăng tốc độ và tỉ trọng của công nghiệp, mở rộng kinh tế dịch vụ..." (14). Trên cơ sở kế thừa và thực tiễn phát triển của các ngành kinh tế những năm 1986-1990, về bố trí CCKT ngành đã có sự bổ sung, phát triển hơn so với Đại hội VI. Một mặt vẫn nhấn mạnh vị trí quan trọng hàng đầu của nông nghiệp, công nghiệp chế biến, mặt khác đã đề cập đến tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp. Đặc biệt, Đại hội VII đã chính thức thừa nhận ngành thương mại dịch vụ là thực thể tất yếu trong CCKT ngành ở nước ta.

Căn cứ vào định hướng CCKT ngành nêu trên, Đại hội VII cũng vạch phương hướng phát triển cụ thể cho từng ngành kinh tế: Với nông, lâm, ngư nghiệp đi vào chuyên canh, thâm canh, tăng vụ, kinh doanh tổng hợp nhằm đạt hiệu quả cao nhất trên diện tích canh tác và sản phẩm phải hướng vào xuất khẩu; Về công nghiệp, vẫn đặt công nghiệp nhẹ ở vị trí hàng đầu, phát triển có chọn lọc một số ngành công nghiệp nặng để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng, xuất khẩu, nhưng phải tính đến các yếu tố hiệu quả, khả năng, qui mô...; Với thương mại dịch vụ, tăng trưởng kinh tế dịch vụ ở cả thành thị và nông thôn, phát triển thương nghiệp nhiều thành phần, tăng trưởng mạnh du lịch. Như vậy, phương hướng phát triển các ngành kinh tế của Đại hội VII đã có sự bổ sung đầy đủ hơn so với Đại hội VI và bám

sát thực tiễn phát triển của các ngành kinh tế, đó là hướng vào khai thác chiều sâu trên từng đơn vị canh tác, trong từng tiểu ngành các ngành kinh tế. Đặc biệt phương hướng phát triển của ngành thương mại dịch vụ được đề cập khá cụ thể.

Như vậy, chủ trương của Đại hội VII đối với CCKT ngành đã tạo tiền đề căn bản cho CCKT nước ta chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với thị trường trong và ngoài nước.

**3. Cơ cấu kinh tế vùng:** Căn cứ vào những chuyển biến về kinh tế - xã hội của đất nước, thực tiễn phát triển các ngành kinh tế nói riêng những năm 1986-1990 và đặc thù tự nhiên, kinh tế - xã hội của các vùng, Đại hội VII đã bước đầu xác định các vùng kinh tế và phương hướng phát triển các vùng kinh tế trên cả nước. Vùng "*Đồng bằng giữ vị trí hàng đầu trong sản xuất lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả, chăn nuôi, phát triển công nghiệp nông thôn, mở mang dịch vụ...*; *Trung du miền núi chuyển sang kinh tế hàng hóa, phát huy thế mạnh về lâm nghiệp, hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, gắn với công nghiệp chế biến, phát triển chăn nuôi, khai khoáng...*; *Vùng biển và hải đảo, hướng vào khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản, khai thác chế biến dầu khí và các sa khoáng, phát triển các ngành sản xuất và dịch vụ về hàng hải, mở mang du lịch...* (15).

Chủ trương của Đại hội VII về bước đầu xác định các vùng và phương hướng phát triển các vùng kinh tế đã phản ánh rõ nét những chuyển biến tích cực của nền kinh tế nước ta những năm 1986-1990, mở đường cho bước chuyển của nền kinh tế từ tự cấp sang giai đoạn đầu của kinh tế hàng hóa.

Cùng với chủ trương hoàn thiện CCKT, Đại hội VII cũng đề ra một loạt chính sách về đẩy mạnh đổi mới cơ chế quản lý: Các giải pháp về vốn và kinh tế đối ngoại; Về dân số, việc làm, thu nhập, bảo đảm xã hội và sức khỏe; Về văn hóa, giáo dục, khoa học, tài nguyên và môi trường; Về tổ chức bộ máy nhà nước và cán bộ. Việc đồng thời đề ra các chính sách lớn đã tạo điều kiện thuận lợi cho nền kinh tế và CCKT vận hành trơn tru, phát huy tác dụng và góp phần quyết định vào việc thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm 1991-1995 và Chiến lược ổn định phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 mà Đại hội VII thông qua: "Nền kinh tế đã khắc phục được tình trạng trì trệ, suy thoái; đạt mức tăng trưởng khá cao, liên tục và tương đối toàn diện; thực hiện vượt mức hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1991-1995" (16) và "Nước ta đã ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội nghiêm trọng và kéo dài hơn 15 năm... tạo được tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới: Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (17).

## CHÚ THÍCH

(1), (2). Nguyễn Ngọc Thanh: *Quan điểm của Đại hội VI về đổi mới bố trí cơ cấu kinh tế*, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 7 - 2004, tr. 30, 31-32.

(3), (4), (5), (6), (8), (9). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết Đại hội VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 21, 17, 136, 134, 62, 62.

(7). Học viện CTQG Hồ Chí Minh: *Giáo trình kinh tế học phát triển*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2002, tr. 365.

Như vậy, chủ trương của Đại hội VII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện CCKT (cơ cấu ngành kinh tế, thành phần kinh tế, vùng kinh tế) là quá trình Đảng ta từng bước xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và được đặt trong tổng thể đường lối đổi mới toàn diện, đồng bộ về kinh tế - xã hội, với những hình thức, biện pháp, bước đi tuần tự, phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội đất nước trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ. Điều đó đã tạo ra những tiền đề đầu tiên và cần thiết cho CCKT nước ta chuyển dịch theo hướng CNH, HDH vào những năm sau.

Cho đến nay, chúng ta đã có CCKT tương đối hợp lý, đã và đang chuyển dịch theo hướng CNH, HDH, cơ bản đáp ứng được yêu cầu phát triển của nền kinh tế trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH. Những kết quả mà đất nước đạt được trong gần 20 năm đổi mới, phát triển có sự đóng góp quan trọng của việc tiếp tục xây dựng, hoàn thiện CCKT mà Đại hội VII của Đảng đề ra.

(10), (11), (12), (13), (14), (15). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 11, 14, 12, 8, 11, 21-22.

(16), (17). Đảng Cộng sản Việt Nam. *Nghị quyết Đại hội VIII*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 154, 12.